

Số: 996/TB-CCTHADS

Tp. Bến Tre, ngày 08 tháng 08 năm 2024

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 98 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Bản án số 15/2023/KDTM-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 126/QĐ-CCTHADS ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế số 17/QĐ-CCTHADS ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ thông báo về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản số 930/QĐ-CCTHADS ngày 15 tháng 08 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức thẩm định giá tài sản;

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre lựa chọn Công ty TNHH Thẩm định giá NoVa;

Địa chỉ: 728-730 Võ Văn Kiệt, phường 1, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

Để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản đã kê biên sau:

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 1216, tờ 12, diện tích 144,2m² tại xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (hẻm 3m);

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 847, tờ 05, diện tích 369,1m² tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (hẻm 3m);

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 850, tờ 05, diện tích 200m² tại phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (hẻm 3m);

Vậy, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre xin thông báo cho Công ty TNHH Thẩm định giá NoVa, bên được thi hành án, bên phải thi hành án biết./.

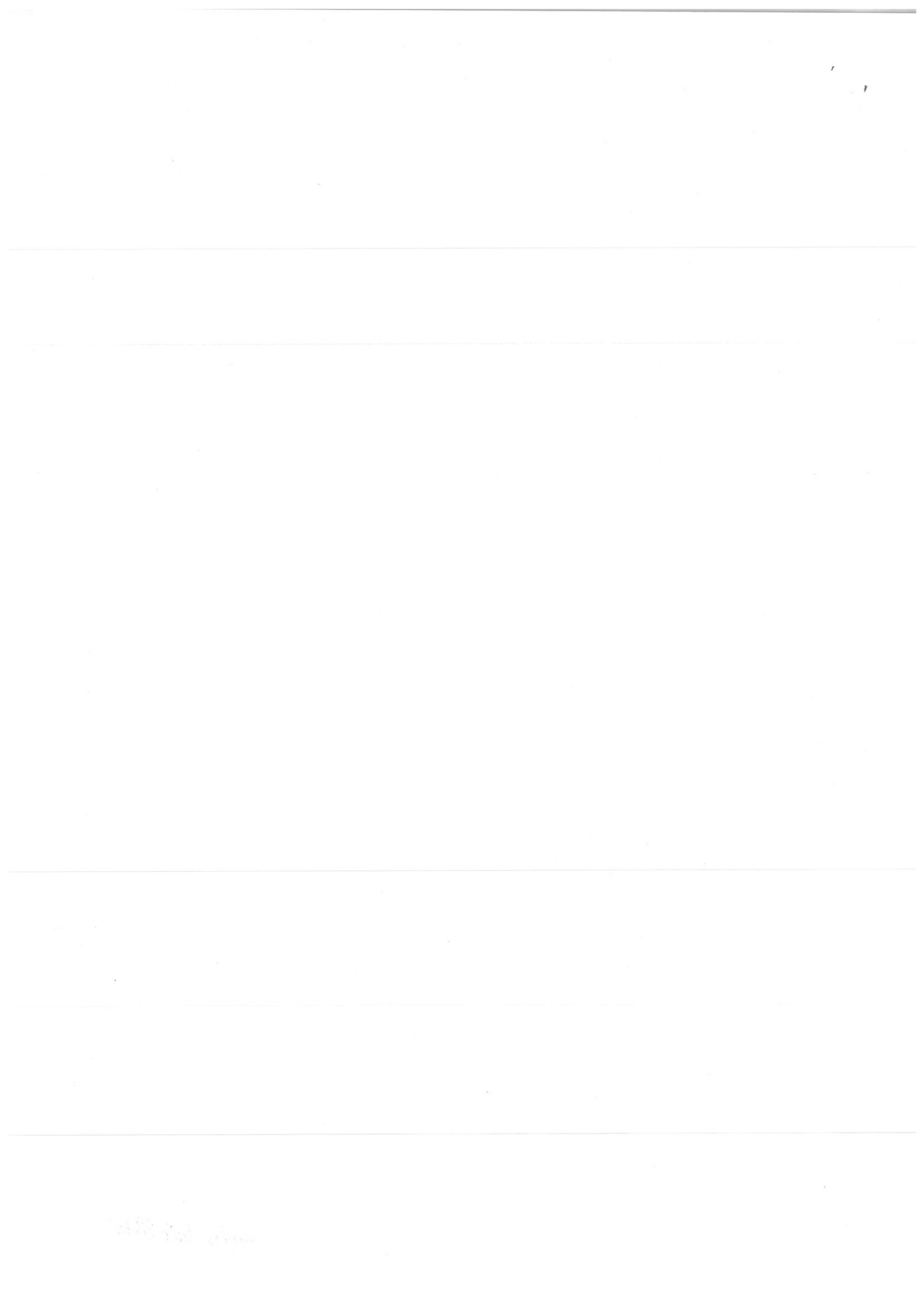
Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử của Cục THADS tỉnh;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Quốc Bảo



TP Bến Tre, ngày 26 tháng 8 năm 2024

PHỤ LỤC 1

BẢNG BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG		90	89	
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)		15	15	
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản. Ghi chú: Doanh nghiệp hiện có: <ul style="list-style-type: none">– Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.– 12 Chi nhánh tại các tỉnh/ thành: Hà Nội, Long An, Tiền Giang, Tây Ninh, Bến Tre, Đồng Tháp, Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Định, Khánh Hòa, Gia Lai.– 03 Văn phòng đại diện tại các tỉnh: Bình Thuận, Đồng Nai, Cà Mau.	Có 02 chi nhánh trở lên Chi có 01 chi nhánh Không có chi nhánh	5 4 3	5	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314514140 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/10/2022 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá số 260/TĐG cấp
2		Trên 07 thẩm định viên	5	5	

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề. <u>Ghi chú: Doanh nghiệp hiện có 08 thẩm định viên đủ điều kiện hành nghề năm 2024 theo Thông báo số 955/TB-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính.</u>	Từ 05 đến 07 thẩm định viên Dưới 05 thẩm định viên	4 3		nhật lần 01 ngày 22/12/2017 - Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm số 955/TB-BTC ngày 30/12/2022
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá <u>Ghi chú: Doanh nghiệp được thành lập ngày 13/07/2017 và được Cục Quản Lý Giá - Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số 260/TĐG lần đầu ngày 30/08/2017.</u>	Trên 05 năm Từ 03 đến 05 năm Dưới 03 năm	5 4 3	5	
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60	59	
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	Trên 30 hồ sơ Từ 20 đến 30 hồ sơ Dưới 20 hồ sơ	15 14 13	15	
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá. <u>Ghi chú: Tính từ thời điểm thành lập đến nay, doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm hành chính.</u>	Không bị xử phạt vi phạm hành chính Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	10 9	10	

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8		
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính	0		
		Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	5		
		Từ 07 ngày đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	4	5	
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá	3		
		Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình	10		
		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9	10	
		Trên 05 ngày làm việc	8		
3	<p>Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá</p> <p><u>Ghi chú:</u> Thời gian cam kết cấp chứng thư thẩm định giá trong vòng 06 (sáu) ngày từ thời điểm ký hợp đồng thẩm định giá.</p>				
4	<p>Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá</p> <p><u>Ghi chú:</u> Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá trong vòng 03 (ba) ngày từ thời điểm nhận được yêu cầu giải trình.</p>				

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
5	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá</p> <p>Ghi chú: Doanh nghiệp đang sử dụng phần mềm định giá bất động sản, có thể trích xuất dữ liệu.</p>	<p>Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu</p> <p>Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu</p> <p>Không có phần mềm</p>	<p>10</p> <p>9</p> <p>0</p>	<p>10</p>	
6	<p>Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liên kê của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố</p> <p>Ghi chú: Theo Thông báo số 187/TB-BTC ngày 22/02/2021 của Bộ Tài chính về việc Công bố kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm 2020 của các doanh nghiệp thẩm định giá. Doanh nghiệp thuộc nhóm các doanh nghiệp từ 70 đến dưới 80 điểm (số thứ tự của NOVA: 39/193).</p>	<p>Từ 80 điểm trở lên</p> <p>Từ 70 đến dưới 80 điểm</p> <p>Từ 60 đến dưới 70 điểm</p>	<p>10</p> <p>9</p> <p>8</p>	<p>9</p>	
III	Năng lực tài chính		15	15	
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty.		5	5	

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
2	<p><u>Ghi chú:</u> Doanh nghiệp đã đăng tải công khai biểu phí dịch vụ thẩm định giá trên website doanh nghiệp. http://thamdinhnova.com/thutuc/166-.html</p> <p>Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây</p> <p><u>Ghi chú:</u> Doanh nghiệp tự đánh giá phí dịch vụ tham gia dự thầu thấp nhất trong các hồ sơ đăng ký.</p>	Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký	5	5	
		Thấp thứ 2	4		
		Thấp thứ 3	3		
		Thấp thứ 4	2		
		Thấp thứ 5 trở đi	1		
3	<p>Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất.</p> <p><u>Ghi chú:</u> Doanh thu bình quân từ dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất (2021, 2022, 2023) là 10,01 tỷ đồng/năm.</p>	Trên 5 tỷ/năm	5	5	
		Từ 3 - 5 tỷ/năm	4		
		Từ 1 - 3 tỷ/năm	3		
		Dưới 1 tỷ/năm	2		

- Tổng số điểm Công ty TNHH Thẩm định giá NOVA đạt được: 89/90 điểm.



CHẤP HÀNH VIÊN

Handwritten text, possibly a page number or reference, located in the top left corner.